

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-PT

Ngày 11-8-2020

V/v tranh chấp về hợp đồng  
tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

*Các Thẩm phán:* Bà Chu Lệ Hương;

Ông Lộc Sơn Thái

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:***  
Bà Lăng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2020/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 05/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng B Việt Nam (tên gọi khác là Ngân hàng B); địa chỉ: Hàng V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T, Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Bế Văn A, Giám đốc Ngân hàng B Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn; địa chỉ trụ sở: Đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22 tháng 8 năm 2019); vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn:* Ông Trần Văn D, Phó Giám đốc Ngân hàng B Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn; địa chỉ trụ sở: Đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền số 14/QĐ-BIDV.LS ngày 03 tháng 01 năm 2020); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình H, cư trú tại: Đường T, phường T, thành phố

L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Đào Ngọc S; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; cư trú tại: Đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ liên hệ: Đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 14/4/2020); có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Xuân T, cư trú tại: Đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, cư trú tại: Đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

*- Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Đình H là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Đình H đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 14A8007424 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 26-6-2010. Từ năm 2014 đến năm 2018 Ông Nguyễn Đình H đã nhiều lần ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn (gọi tắt là Ngân hàng), cụ thể:

Ngày 13-8-2014, Ngân hàng và Ông Nguyễn Đình H ký Hợp đồng tín dụng số 02/2014/6306747/HĐTD, theo đó, Ông Nguyễn Đình H vay Ngân hàng B Lạng Sơn 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng với mục đích kinh doanh. Để đảm bảo cho khoản vay, Ông Nguyễn Đình H đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/6306747/HĐBĐ ngày 11-8-2014 tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 15, tờ bản đồ số 26, diện tích 475,6m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp III (02 tầng 01 tum); tọa tại Đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 609115, số vào sổ cấp GCN: CH-01807 ngày 30-6-2014, đăng ký biến động mang tên ông Nguyễn Đình H ngày 29-7-2014; hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13-8-2014, đến nay chưa được xóa thế chấp.

Sau khi thanh toán hết dư nợ của các món vay của ngày 13-8-2014, 06-8-2015, 08-7-2016 và 16-6-2017. Ngày 16-5-2018, ông Nguyễn Đình H và Ngân hàng tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6306747/HĐTD (gọi tắt hợp đồng tín dụng 2018). Theo nội dung Hợp đồng tín dụng 2018, ông Nguyễn Đình H vay Ngân hàng 3.450.000.000 (ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng để thanh toán tiền hàng cho bà Nguyễn Thị H theo ủy nhiệm chi trên cơ sở đề nghị của ông Nguyễn Đình H, thời hạn vay 11 tháng, hai bên thỏa thuận biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo Hợp đồng thế chấp đã ký số

01/2014/6306747/HĐBD đã ngày 11-8-2014, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13-8-2014.

Do ông Nguyễn Đình H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng không đạt kết quả. Vì vậy, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình H thanh toán nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Ông Nguyễn Đình H xác nhận các khoản vay đúng như trình bày của Ngân hàng đồng thời thừa nhận tất cả chữ ký và chữ viết họ tên của ông Nguyễn Đình H tại các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Giấy đề nghị vay vốn. Tại bản khai ngày 08-01-2019 ông Nguyễn Đình H cho rằng việc ông vay tiền Ngân hàng là theo lời đề nghị của ông Đinh Xuân T, mọi thủ tục đều do ông Đinh Xuân T và cán bộ Ngân hàng trực tiếp thực hiện, ông Nguyễn Đình H chỉ ký các giấy tờ theo yêu cầu của ông Đinh Xuân T và cán bộ Ngân hàng; vì vậy, ông Đinh Xuân T phải có trách nhiệm cùng ông thanh toán các khoản nợ gốc và lãi nói trên cho Ngân hàng. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông Nguyễn Đình H thay đổi lời khai cho rằng việc vay tại Ngân hàng là do ông Đinh Xuân T vay để đầu tư, sản xuất, kinh doanh nên ông Đinh Xuân T phải chịu trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng, ông Nguyễn Đình H không chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 21-4-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 40, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 465, 466, 468, 317, 318 319, 320, 321 và 322 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4, Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

Buộc ông Nguyễn Đình H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng B Việt Nam (BIDV) số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.981.111.650 đồng (*ba tỷ chín trăm tám mươi một triệu một trăm mười một nghìn sáu trăm năm mươi đồng*), trong đó nợ gốc 3.450.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 343.949.150 đồng; lãi phạt 187.162.500 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Ông Nguyễn Đình H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Khi ông Nguyễn Đình H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng B Việt Nam thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình H.

Trường hợp ông Nguyễn Đình H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng B Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án còn buộc ông Nguyễn Đình H chịu án phí theo giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02-5-2020 và ngày 04-5-2020 ông Nguyễn Đình H có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung, nội kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; không đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm vì Tòa án không có biện pháp dẫn giải ông Đinh Xuân T, bà Nguyễn Thị H đến Tòa, việc xét xử vụ án vắng mặt ông Đinh Xuân T và bà Nguyễn Thị H đã làm thay đổi bản chất của vụ án; tố cáo cán bộ Ngân hàng đã cấu kết với ông Đinh Xuân T để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của ông.

Sau khi thụ lý phúc thẩm, Tòa án đã xác minh nơi cư trú của ông Đinh Xuân T và thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng đối với ông Đinh Xuân T theo quy định của pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-7-2020 và đơn trình bày đề ngày 10-8-2020, bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 10-4-2018 bà và ông Nguyễn Đình H có lập hợp đồng mua bán bát đĩa, bà có trách nhiệm giao hàng còn ông Nguyễn Đình H có trách nhiệm thanh toán tiền hàng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của bà mở tại Ngân hàng B Lạng Sơn; ngoài lần giao dịch mua bán nói trên, bà Nguyễn Thị H không có giao dịch nào khác với ông Nguyễn Đình H; bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Đình H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đào Ngọc S thừa nhận hồ sơ vay vốn, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp được Ngân hàng thực hiện đúng quy định; ông Nguyễn Đình H là người đứng tên ký Giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, giấy ủy nhiệm chi. Vì vậy, về mặt pháp lý, ông Nguyễn Đình H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên thực tế ông Nguyễn Đình H chỉ đứng tên trên giấy tờ còn người nhận tiền và sử dụng tiền vay là ông Đinh Xuân T. Do ông Đinh Xuân T có mối quan hệ với Ngân hàng nên các thủ tục vay tiền đều do Ngân hàng và ông Đinh Xuân T tự lập và đưa cho ông Nguyễn Đình H ký. Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị H không quen biết, không có quan hệ mua bán hàng hóa với nhau; Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 10-4-2018 giữa ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị H là hợp đồng không nhằm thực hiện việc giải ngân số tiền 3.450.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng 2018. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; đề nghị tuyên Hợp đồng tín dụng 2018 vô hiệu, yêu cầu buộc ông Đinh Xuân T phải chịu trách nhiệm về số tiền 2.000.000.000 đồng đã ký theo hợp đồng tín dụng năm 2014, số tiền còn lại do Ngân hàng tự chịu trách nhiệm; buộc Ngân hàng trả lại ông Nguyễn Đình H số tiền lãi mà ông Nguyễn Đình H đã thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng 2018.

Về phía Ngân hàng không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình H, tất cả các Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng ký với ông Nguyễn Đình H không liên quan đến ông Đinh Xuân T. Theo Hợp đồng tín dụng 2018, Ngân hàng thực hiện giải ngân khoản tiền vay là 3.450.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi trên cơ sở đề nghị của ông Nguyễn Đình H. Việc ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đảm bảo đúng quy định. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Qua tài liệu chứng cứ các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình H. Đối với yêu cầu Ngân hàng trả lại số tiền lãi mà ông Nguyễn Đình H đã thanh toán theo Hợp đồng tín dụng 2018 là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Do ông Nguyễn Đình H là người cao tuổi, đủ điều kiện được miễn tiền án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Đình H; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm về án phần án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ 02, ông Đinh Xuân T vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những đương sự nói trên.

[2] Về xác định tư cách đương sự: Tại cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Đình H đề nghị Tòa án triệu tập ông Đinh Xuân T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; vì theo ông Nguyễn Đình H, toàn bộ hồ sơ vay vốn Ngân hàng là do ông Đinh Xuân T đứng ra vay, nhận và sử dụng tiền vay nên ông Đinh Xuân T phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền cho Ngân hàng. Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã triệu tập ông Đinh Xuân T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không thể hiện ông Đinh Xuân T có liên quan đến Hợp đồng tín dụng do Ngân hàng đã ký với ông Nguyễn Đình H nói chung và Hợp đồng tín dụng 2018 mà Ngân hàng đang khởi kiện ông Nguyễn Đình H nói riêng. Mặt khác, ông Nguyễn Đình H thừa nhận: Ông Nguyễn Đình H trực tiếp ký Hợp đồng tín dụng 2018, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/6306747/HĐBĐ ngày 11-8-2014; biên bản kiểm tra sự biến động của tài sản thế chấp.... không có sự tham gia, chứng kiến của ông Đinh Xuân T. Ông Nguyễn Đình H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Đinh Xuân T có liên quan đến việc vay tiền giữa Ông Nguyễn Đình H và Ngân hàng. Vì vậy, việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Đinh Xuân T. Căn cứ khoản 4 Điều 68, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội

đồng xét xử xác định ông Đinh Xuân T không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Mục đích vay vốn trong hồ sơ vay vốn năm 2018 của ông Nguyễn Đình H phù hợp với ngành nghề kinh doanh (đồ sành sứ) mà ông Nguyễn Đình H đã được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phù hợp với hợp đồng mua bán số 01/2018/HĐMB ngày 10-4-2018 giữa ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị H.

[4] Theo nội dung hợp đồng tín dụng 2018, Ngân hàng đã chuyển số tiền vay là 3.450.000.000 đồng vào tài khoản của bà Nguyễn Thị H theo Ủy nhiệm chi số 0019 ngày 16-5-2018, nội dung ủy nhiệm có ghi "NGUYEN DINH HUONG TT TIEN HANG" và có chữ ký, chữ viết họ tên của ông Nguyễn Đình H. Nội dung này phù hợp với hợp đồng mua bán ngày 10-4-2018 giữa ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị H, phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H. Vì vậy, việc ông Nguyễn Đình H cho rằng ông Đinh Xuân T là người nhận tiền vay Ngân hàng và không có việc mua bán hàng hóa giữa ông Nguyễn Đình H với bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở.

[5] Điều 8 của Hợp đồng tín dụng 2018 có nội dung “biện pháp thực hiện bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014 ngày 11-8-2014”. Tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp số 01/2014 có ghi “Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên thế chấp đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và Bên thế chấp trong khoảng thời gian kể từ ngày 11-8-2014 đến ngày 11-8-2019”.

[6] Tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Đình H cung cấp 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Đình H với ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H (H) đã được công chứng tại Phòng công chứng X tỉnh Lạng Sơn vào ngày 30-7-2014. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đình H cũng thừa nhận thực tế không có việc chuyển nhượng nhà đất theo hợp đồng đã ký. Điều này phù hợp với nội dung Công văn phúc đáp số 504/CNVPĐKD ngày 30-6-2020 của Chi nhánh V. Vì vậy, có cơ sở để khẳng định tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng 2018, Hợp đồng thế chấp số 01/2014/6306747/HĐBĐ ngày 11/8/2014 đang tồn tại và có giá trị pháp lý. Do đó có cơ sở để khẳng định khoản vay theo hợp đồng tín dụng 2018 của ông Nguyễn Đình H có tài sản bảo đảm, được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 01/2014/6306747/HĐBĐ ngày 11/8/2014 và không có căn cứ để triệu tập ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng trong vụ án này.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, ngoài lời trình bày của mình, ông Nguyễn Đình H không đưa ra được căn cứ chứng minh ông Nguyễn Đình H bị lừa dối, ép buộc khi thực hiện các giao dịch tại Ngân hàng để ký kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp. Mặt khác, ông Nguyễn Đình H thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Đình H tại Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn, giấy ủy nhiệm chi và các biên bản làm việc với Ngân hàng về việc vay nợ là chữ ký và chữ viết của ông; thời điểm đó ông đang công tác tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Điều đó khẳng định khi tham gia giao dịch tại Ngân hàng, ông

Nguyễn Đình H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, Hợp đồng ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Đình H được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, có cơ sở để kết luận hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng có giá trị pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên; không có căn cứ để tuyên bố hợp đồng tín dụng 2018 vô hiệu.

[8] Do Hợp đồng tín dụng 2018 đã đến hạn thanh toán, nhưng ông Nguyễn Đình H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình H thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ.

[9] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật; toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đình H là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Đình H có đơn xin miễn toàn bộ tiền án phí. Xét thấy, ông Nguyễn Đình H là người cao tuổi đủ điều kiện được miễn tiền án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Đình H; vì vậy sửa một phần Bản án sơ thẩm (sửa phần án phí). Việc Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng là không đúng với danh mục án phí, lệ phí Tòa án bản hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, cần rút kinh nghiệm.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2011;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình H;

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 21-4-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (sửa phần án phí) cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B Việt Nam.

2. Buộc ông Nguyễn Đình H có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng B Việt Nam (BIDV) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6306747/HĐTD ngày 16-5-2018; số tiền ông Nguyễn Đình H phải thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21-4-2020) là 3.981.111.650 đồng (*ba tỷ chín trăm tám mươi một triệu một trăm mười một nghìn sáu trăm năm mươi đồng*), trong đó nợ gốc là 3.450.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn 343.949.150 đồng; lãi phạt 187.162.500 đồng.

2.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Đình H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà khách hàng bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2 Khi ông Nguyễn Đình H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng B Việt Nam thì Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 609115, số vào sổ cấp GCN: CH-01807 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 30/6/2014 cho ông Nguyễn Đình H.

2.3 Trường hợp ông Nguyễn Đình H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng B Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 15, tờ bản đồ số 26, diện tích 475,6m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp III, diện tích xây dựng 106,4m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng 248,6m<sup>2</sup>; địa chỉ đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 609115, số vào sổ cấp GCN: CH-01807 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30-6-2014, đăng ký biến động mang tên ông Nguyễn Đình H ngày 29-7-2014 để thu hồi nợ (theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/6306747/HĐBĐ ngày 11/8/2014).

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ trả nợ thì ông Nguyễn Đình H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong khoản vay cho Ngân hàng B Việt Nam.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch và tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Đình H. Hoàn trả lại ông Nguyễn Đình H 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Nguyễn Đình H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án số AA/2015/0002251 ngày 21-5-2020 tại Chi cục T thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngân hàng B Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng 52.800.000 (*năm mươi hai triệu tám trăm nghìn*) đồng tiền tạm



ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002055 ngày 24-12-2019 tại Chi cục T thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CC T TP. L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Thùy**